

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 15**

Số : 755 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phường 15, ngày 29 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách
năm 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 15

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 12349/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của UBND Quận 10 về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 28/4/2020 của Hội đồng nhân dân Phường 15 về việc thông qua tình hình thực hiện thu chi ngân sách năm 2019;

Xét đề nghị của bộ phận Tài chính - kế toán phường,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 của UBND phường 15 (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng Ủy ban nhân dân Phường 15, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận :

- Phòng TC-KH Q10;
- Đảng ủy phường;
- Như điều 3;
- Lưu.

CHỦ TỊCH



Đỗ Hoàng Anh

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2019**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	16.732.129.282	TỔNG SỐ CHI	14.252.418.969
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.574.618.584	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	3.257.672.040	II. Chi thường xuyên	13.986.346.120
III. Thu bổ sung cân đối	10.924.491.986	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách sang năm sau(nếu có)	266.072.849
Bổ sung cân đối	9.668.841.000		
Bổ sung có mục tiêu	1.255.650.986		
IV. Thu kết dư năm trước		IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	975.346.672		
Kết dư ngân sách	2.479.710.313		



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2019

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH %	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU		13.425.969.000	0	16.732.129.282		124,6%
I	Các khoản thu 100%		1.093.000.000	0	1.472.355.750		134,7%
	Phí lệ phí		649.000.000		945.010.000		145,6%
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		228.000.000		323.145.750		141,7%
	Thu khác		216.000.000		204.200.000		94,5%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %		2.416.900.000	0	3.294.064.322		136,3%
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		1.959.000.000		2.694.872.040		137,6%
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		457.900.000		562.800.000		122,9%
	Các khoản thu khác (Thu nộp chậm thuế do cơ quan thuế quản lý)				36.392.282		
III	Thu viện trợ không hoàn trả lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
VI	Thu chuyển nguồn		247.228.000		975.346.672		394,5%
VI	Thu kết dư ngân sách				65.870.552		
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		9.668.841.000	0	10.924.491.986		113,0%
	Thu bổ sung cân đối		9.668.841.000		9.668.841.000		100,0%
	Thu bổ sung có mục tiêu				1.255.650.986		

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	13.425.969.000	0	13.425.969.000	14.252.418.969	0	14.252.418.969			106,2%
	Trong đó									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	3.533.208.000		3.533.208.000	3.108.335.881		3.108.335.881			88,0%
	Chi dân quân tự vệ	2.267.000.000		2.267.000.000	2.129.368.486		2.129.368.486			93,9%
	Chi an ninh trật tự	1.266.208.000		1.266.208.000	978.967.395		978.967.395			77,3%
2	Chi giáo dục	21.000.000		21.000.000	15.607.290		15.607.290			74,3%
3	Chi y tế	10.000.000		10.000.000	12.971.500		12.971.500			129,7%
4	Chi văn hóa thông tin	15.000.000		15.000.000	12.312.500		12.312.500			82,1%
5	Chi thể dục thể thao	30.000.000		30.000.000	0					0,0%
6	Chi sự nghiệp kinh tế	207.644.000		207.644.000	209.879.126		209.879.126			101,1%
7	Chi sự nghiệp xã hội	118.856.000		118.856.000	126.288.040		126.288.040			106,3%
	Dân số và KHHGD	21.000.000		21.000.000	9.079.040		9.079.040			43,2%
	Sự nghiệp vận tải đường bộ				32.750.000		32.750.000			
	Bảo vệ chăm sóc trẻ em	77.856.000		77.856.000	63.510.000		63.510.000			81,6%
	Hoạt động xã hội	12.000.000		12.000.000	12.515.000		12.515.000			104,3%

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	Hoạt động chính sách	8.000.000		8.000.000	8.434.000		8.434.000			105,4%
8	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	9.137.736.000		9.137.736.000	10.500.951.783		10.500.951.783			114,9%
9	Dự phòng	105.297.000		105.297.000	0					0,0%
10	Chi chuyển nguồn CCTL	247.228.000		247.228.000	266.072.849		266.072.849			107,6%



Biểu số 119/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (1) NĂM 2019

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Đơn vị: đồng								
Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2019	Dự toán năm 2019			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Trong đó		Chia theo nguồn vốn	
					Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Tổng số								
1/ CT chuyển tiếp		không có						
Trong đó: hoàn thành trong năm								
2/ CT khởi công mới								
Trong đó: hoàn thành trong năm								

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của cấp tỉnh

